TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 01 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kiên Ngọc Trương

Ông Thạch Đa Ra

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Q

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc A, Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, tòa nhà T, đường F, phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Phúc P, cán bộ Ngân hàng Q, địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà N, số Z, đường V, phường E, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền số: 203938.23, ngày 05/12/2023. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Ngô Phạm B, sinh ngày 18/4/1999, địa chỉ: Số D, đường K, khóm L, phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2023 của nguyên đơn và lời khai của phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/10/2020, bà Ngô Phạm B ký hợp đồng tín dụng số: 7212261.20 với Ngân hàng Q – VIB CN Cần Thơ vay số tiền 423.000.000 đồng để mua xe ô tô KIA CERATO biển số kiểm soát: 84A – 067.46. Ngày 21/9/2021, bà Ngô Phạm B có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản và được Ngân hàng Q phát hành thẻ tín dụng cho bà An với hạn mức tín dụng là 42.000.000 đồng, loại thẻ: VIB Finance Free, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: Theo quy định của VIB trong từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Ngô Phạm B đã vi phạm nội dung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết. Khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 30/8/2022. Ngân hàng Q – VIB CN Cần Thơ đã nhiều lần liên hệ với bà B để yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ nhưng bà B cứ trốn tranh không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tạm tính đến ngày 22/12/2023, bà Ngô Phạm B đã thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền 286.209.399 (hai trăm tám mươi sáu triệu hai trăm lẻ chín nghìn ba trăm chín mươi chín) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 175.120.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng và lãi là 111.089.399 (một trăm mười một triệu không trăm tám mươi chín nghìn ba trăm chín mươi chín) đồng. Nay tôi đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng Q yêu cầu bị đơn bà Ngô Phạm B phải trả cho Ngân hàng Q số tiền của hai khoản nợ cụ thể như sau:

Một là: Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 247.880.000 (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày hôm nay 22/12/2023 là 25.613.374 (hai mươi lăm triệu sáu trăm mười ba nghìn ba trăm

bảy mươi bốn) đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà B trả hết số tiền còn nợ.

Hai là: Nợ gốc theo thẻ tín dụng quốc tế là 39.951.418 (ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm mười tám) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày hôm nay 22/12/2023 là 59.185.117 (năm mươi chín triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười bảy) đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi bà B trả hết số tiền còn nợ.

- Bị đơn bà Ngô Phạm B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn bà Ngô Phạm B trả cho nguyên đơn số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng tổng cộng là 270.991.362 (hai trăm bảy mươi triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 239.380.000 (hai trăm ba mươi chín triệu ba trăm tam mươi nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 31.611.362 (ba mươi mốt triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng và số tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế tổng cộng là 97.136.535 (chín mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 39.951.418 (ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm mười tám) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 57.185.117 (năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười bảy) đồng. Tổng cộng hai khoản nợ là 376.627.897 (ba trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi bảy) đồng và yêu cầu tiếp tục chịu lãi cho đến khi bà B trả hết số tiền còn nợ.

- Bị đơn bà Ngô Phạm B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được gì với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 401, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 3Z/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q. Buộc bị đơn bà Ngô Phạm B phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng tổng cộng là 270.991.362 (hai trăm bảy mươi triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 239.380.000 (hai trăm ba mươi chín triệu ba trăm tam mươi nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 31.611.362 (ba mươi mốt triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng và số tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế tổng cộng là 97.136.535 (chín mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 39.951.418 (ba mươi chín triệu

chín trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm mười tám) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 57.185.117 (năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười bảy) đồng. Tổng cộng hai khoản nợ là 376.627.897 (ba trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi bảy) đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà P, tỉnh Trà P.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn bà Ngô Phạm B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bị đơn bà Ngô Phạm B nợ của nguyên đơn Ngân hàng Q số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng tổng cộng là 270.991.362 (hai trăm bảy mươi triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 239.380.000 (hai trăm ba mươi chín triệu ba trăm tam mươi nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 31.611.362 (ba mươi mốt triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng và số tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế tổng cộng là 97.136.535 (chín mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 39.951.418 (ba mươi chín triệu chín trăm năm

mươi mốt nghìn bốn trăm mười tám) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 57.185.117 (năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười bảy) đồng. Tổng cộng hai khoản nợ là 376.627.897 (ba trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi bảy) đồng là có thật, được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số: 7212261.20, ngày 30/10/2020 và thẻ tín dụng quốc tế loại thẻ: VIB Finance Free do bà Ngô Phạm B có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế số: 610.23092021163781, ngày 21/09/2021, là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Bị đơn bà Ngô Phạm B không có mặt tại địa chỉ thường trú được ghi trong hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế do nguyên đơn cung cấp nên Tòa án tiến hành niêm yết thủ tục tố tụng. Việc bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa thể hiện bị đơn trốn tránh trách nhiệm trả nợ và bị đơn cũng đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q yêu cầu bị đơn bà Ngô Phạm B trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng tổng cộng là 270.991.362 (hai trăm bảy mươi triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 239.380.000 (hai trăm ba mươi chín triệu ba trăm tam mươi nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 31.611.362 (ba mươi mốt triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng và số tiền nợ theo thẻ tín dụng quốc tế tổng cộng là 97.136.535 (chín mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 39.951.418 (ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm mười tám) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 57.185.117 (năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười bảy) đồng. Tổng cộng hai khoản nợ là 376.627.897 (ba trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi bảy) đồng.

[4] Về tiền lãi phát sinh: Bà Ngô Phạm B phải chịu lãi theo hợp đồng tín dụng số: 7212261.20, ngày 30/10/2020 và thẻ tín dụng quốc tế loại thẻ: VIB

Finance Free theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng số: 610.23092021163781, ngày 21/09/2021.

[5] Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Ngô Phạm B phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q.

Buộc bị đơn bà Ngô Phạm B phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Q số tiền nợ gồm:

- Tiền nợ của hợp đồng tín dụng số: 7212261.20, ngày 30/10/2020, tổng cộng là 270.991.362 (hai trăm bảy mươi triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 239.380.000 (hai trăm ba mươi chín triệu ba trăm tam mươi nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 31.611.362 (ba mươi mốt triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng.

- Tiền nợ của thẻ tín dụng quốc tế loại thẻ: VIB Finance Free theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng số: 610.23092021163781, ngày 21/09/2021, tổng cộng là 97.136.535 (chín mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi

lăm) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 39.951.418 (ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm mười tám) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/01/2024 là 57.185.117 (năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười bảy) đồng.

Kể từ ngày 31/01/2024 thì bà Ngô Phạm B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7212261.20, ngày 30/10/2020 và thẻ tín dụng quốc tế loại thẻ: VIB Finance Free theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng số: 610.23092021163781, ngày 21/09/2021, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số: 7212261.20, ngày 30/10/2020 và thẻ tín dụng quốc tế loại thẻ: VIB Finance Free theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng số: 610.23092021163781, ngày 21/09/2021, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Q cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Q.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ngô Phạm B phải nộp 18.831.500 (mười tám triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Ngân hàng Q không phải nộp án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 9.000.000 (chín triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0018228, ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi